

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2017

Về việc tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Út.
2. Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1965 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Hoàng H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày yêu cầu:*

Bà L và ông H tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 1982, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống với nhau, đã sinh được 03 người con chung tên Đỗ Như Y - sinh năm 1988 (nữ), Đỗ Mỹ Y – sinh năm 1990 (nữ) và Đỗ Anh T - sinh năm 1994 (nữ).

Từ đầu năm 2015 đến nay bà L và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: các con của ông bà đã trưởng thành, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với ông Đỗ Hoàng H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà L. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H không tham gia.

* *Tại phiên tòa:* Bà L trình bày là bà và ông H chung sống với nhau vào năm 1982, đến nay chưa đăng ký kết hôn, do sống chung không hợp nhau nên bà xin ly hôn với ông H; ngoài ra, về con chung, tài sản chung, nợ thu và nợ trả tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ông Đỗ Hoàng H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Đỗ Hoàng H.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. *Về hôn nhân:* Năm 1982 bà Lê Thị L và ông Đỗ Hoàng H chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Việc bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 1982 được thể hiện tại đơn xác nhận được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận; đồng thời, người con đầu của vợ chồng ông bà sinh năm 1988, từ đó xác định bà L và ông H sống chung với nhau từ năm 1982, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội

Trong thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng bà L và ông H có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân theo trình bày của bà L là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tại phiên tòa bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H đã được Tòa án triệu tập hòa giải hợp lệ, nhưng ông vắng mặt, từ đó cho thấy ông H không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa ông với bà L. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Đỗ Hoàng H.

2.2. *Về con chung:* Bà L xác định bà và ông H chung sống với nhau có 03 người con chung, các con đã lớn nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch bà L phải chịu, bà L được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Đỗ Hoàng H

- Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Đỗ Hoàng H

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015369 ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hoàng Tuấn